

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2026/HS-ST
Ngày 04 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim và ông Hoàng Hải. Nguyễn Quang Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở TAND Khu vực 2 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 238/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vì Văn C**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 14/11/1993;

CCCD số: 040093035368 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 15/8/2021.

Nơi cư trú: **Bản L, xã Q, tỉnh Nghệ An**;

Nơi ở hiện tại: **tổ dân phố G, phường T, tỉnh Bắc Ninh**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ tên cha: **Vì Văn T**, sinh năm 1968 (đã chết);

Họ tên mẹ: **Vì Thị C1**, sinh năm 1968;

Vợ: **Hà Thị Kiều O**, sinh năm 1995;

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2024;

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 04/4/2026 đến ngày 13/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (có mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: TDP P, phường B, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Nhà số A, ngách B, đường D, phường T, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn C, sinh năm 1993, trú tại Bản L, xã Q, tỉnh Nghệ An, ở trọ tại tổ dân phố G, phường T, tỉnh Bắc Ninh để đi làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N, thuộc Khu công nghiệp V, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Sáng ngày 29/3/2026, C uống rượu một mình tại phòng trọ. Buổi trưa cùng ngày, C một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc, gắn biển kiểm soát 37X5-0167 đến cây xăng ở tổ dân phố C, phường N, tỉnh Bắc Ninh đổ xăng cho xe mô tô. Sau khi đổ xăng cho xe xong, C tiếp tục vào một quán tạp hóa ở gần đó mua rượu và ngồi uống một mình tại quán. Uống rượu xong, C điều khiển xe mô tô để đi về nơi ở trọ. Lúc này, do uống nhiều rượu, C không nhớ đường về, đã điều khiển xe mô tô đi qua nhiều tuyến đường thuộc địa phận phường N, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 14 giờ 22 phút cùng ngày, C không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe mô tô đi vào tuyến đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, thuộc địa phận phường N, tỉnh Bắc Ninh; tuyến đường cấm phương tiện xe mô tô lưu thông rồi tiếp tục điều khiển xe đi theo hướng Bắc Ninh đi thành phố Hà Nội. Tại thời điểm này, trên đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang theo hướng điều khiển xe của C đang có xe ô tô biển kiểm soát 98A-751.21 do anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố số B, phường B, tỉnh Bắc Ninh điều khiển và xe ô tô biển kiểm soát 29B-510.94 do chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1982, trú tại số A, ngách B, đường D, phường T, thành phố Hà Nội điều khiển và một số xe ô tô khác đang đi phía sau. Lúc này, C cố tình điều khiển xe mô tô lạng lách, đánh võng, tạt đầu xe liên tục từ Km 128+900 đến Km 129+ 300 trên đường cao tốc, thuộc địa phận phường N, trong thời gian khoảng 01 phút, với quãng đường dài 400m, không cho các phương tiện đi qua nên anh D, chị T1 và khoảng 5 đến 6 xe ô tô khác đang đi phía sau phải giảm tốc độ, điều khiển né tránh để tránh va chạm giao thông. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đi qua cầu N, rẽ phải ra khỏi đường cao tốc đi vào thành phố B rồi đi về phòng trọ. Toàn bộ, hành vi C điều khiển xe mô tô đi lạng lách, đánh võng, tạt đầu các xe ô tô trên tuyến đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang đã được camera lắp trên xe ô tô của anh D ghi lại. Ngày 01/4/2026, anh D

đã trình báo hành vi nêu trên của C đến Công an phường N. Ngày 02/4/2026, Công an phường N đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu về hành vi phạm tội của C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ video về vụ việc trong camera hành trình lắp trên xe ô tô của anh D; kết quả thể hiện: ngày 29/3/2026, C điều khiển xe mô tô trên đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang, cố tình đi lạng lách, đánh võng, tạt đầu xe liên tục từ Km 128+900 đến Km 129+ 300, thuộc địa phận phường N, trong thời gian từ 14 giờ 22 phút 32 giây đến 14 giờ 23 phút 31 giây, với quãng đường dài 400m.

Ngày 04/4/2026, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với C; thu giữ của C 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc, gắn biển kiểm soát 37X5-0167.

Cơ quan điều tra, tiến hành cho C xem lại video thu giữ nêu trên; kết quả C khẳng định người điều khiển xe mô tô trong video thu giữ chính là C.

Về vật chứng, tài sản thu giữ: đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc, gắn biển kiểm soát 37X5-0167; quá trình điều tra xác định số máy, số khung đã bị tẩy xóa, đóng lại, không khôi phục được số máy, số khung nguyên thủy; biển kiểm soát 37X5-0167 là giả. Biển kiểm soát 37X5-0167 được đăng ký cho xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc, chủ sở hữu là ông Quang Văn S, sinh năm 1961, trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An; ông S đã bán xe cho người không quen biết, tra cứu không có trong tàng thư dữ liệu xe máy vật chứng. Vi Văn C khai nhận mua lại xe mô tô trên của người khác, không nhớ là ai từ năm 2014, không biết số máy, số khung bị tẩy xóa, đóng lại, không biết biển kiểm soát là giả, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 03/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Vi Văn C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vi Văn C từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ vào thời hạn tạm giữ từ ngày 04/4/2026 đến ngày 13/4/2026.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc;

Tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 37X5-0167.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, bị cáo miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Vi Văn C**.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người làm chứng vắng mặt nhưng có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 22 phút 32 giây đến 14 giờ 23 phút 31 giây ngày 29/3/2026, từ đoạn Km 128+950 đến Km 129+ 300 đường cao tốc Hà Nội-Bắc Giang, hướng tỉnh Bắc Ninh đi thành phố Hà Nội, thuộc địa phận **phường N, tỉnh Bắc Ninh**; **Vi Văn C** đã sử dụng rượu, không đội mũ bảo hiểm, một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc, gắn biển kiểm soát 37X5-0167 cố tình liên tục đi đánh võng, chèn ép, tạt đầu xe ô tô do anh **Nguyễn Văn D** và xe ô tô do chị **Nguyễn Thị Thanh T1** điều khiển đi ngay phía sau cùng chiều. Anh **D**, chị **T1** và khoảng 5 đến 6 xe ô tô khác đang đi phía sau phải giảm tốc độ, điều khiển né tránh để tránh va chạm giao thông. Hành vi điều khiển xe mô tô của **C** đã trực tiếp đe dọa tính mạng người điều khiển và người đi đường, gây mất trật tự an toàn giao thông, gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, các quy tắc, nếp sống văn minh và các hoạt động bình thường, lành mạnh của cộng đồng ở nơi công cộng; gián tiếp xâm phạm sức khỏe, tính mạng, tài sản của các cá nhân, tổ chức khi các hành vi gây rối diễn ra.

Khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, nhận thức rõ

hành vi của mình là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng vẫn mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố bị cáo **Vi Văn C** về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Vi Văn C** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Vi Văn C** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Do biển kiểm soát 37X5-0167 là giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, bị cáo miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Vi Văn C**.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Vi Văn C** 08 (tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/8/2026.

Giao bị cáo cho **UBND phường T**, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen bạc;

Tịch thu tiêu hủy biên kiểm soát 37X5-0167.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, bị cáo miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Vi Văn C**.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV2 – Bắc Ninh;
- CQ CSĐT- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã (phường) bị cáo cư trú;
- Bị cáo.
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên) *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Nguyễn Văn T2

